

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học  
Ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-ĐHDL ngày 22/10/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Quyết định số 2037/QĐ-ĐHDL, ngày 21/11/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quyết định xây dựng "Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế";

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-ĐHDL ngày 29/11/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế - mã ngành 7380107;

Căn cứ Biên bản số 552/BB-ĐHDL, ngày 14/3/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của Khoa Lý luận chính trị và Pháp luật;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107 (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107 có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường các đơn vị: Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Lý luận chính trị và Pháp luật và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐT (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để t/h);
- Lưu: VT, QLĐào tạo, Anhlv (01).



**HIỆU TRƯỞNG**

**Đinh Văn Châu**

**Phụ lục**  
**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH LUẬT KINH TẾ**  
**MÃ NGÀNH 7380107**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 594/QĐ-ĐHĐL, ngày 14 tháng 3 năm 2025  
của Trường Đại học Điện lực)*

**1. Thông tin về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt:	Luật kinh tế
Tên tiếng Anh:	Economic Law
Mã ngành đào tạo:	7380107
Trình độ đào tạo:	Đại học
Thời gian đào tạo:	4 năm
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
Tên đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 796/QĐ-KĐCL ngày 23/08/2023 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo: 10/12/2024.

**2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế được xây dựng nhằm cung cấp cho xã hội nguồn lực chất lượng cao, có kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học pháp lý nói chung và pháp luật kinh tế nói riêng; có phẩm chất chính trị vững vàng; đủ năng lực đảm nhận nhiều vị trí trong các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

**- Kiến thức**

Người học được trang bị những kiến thức nền tảng của khoa học nói chung và khoa học pháp lý nói riêng; có kiến thức lý luận chuyên sâu và kiến thức thực tiễn vững chắc về hệ thống pháp luật kinh tế quốc gia và quốc tế; có năng lực thích ứng và xử lý tình huống sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn theo từng chuyên ngành pháp luật kinh tế cụ thể và trong mối liên hệ với các lĩnh vực pháp luật khác; vận dụng thành thạo kiến thức được đào tạo, các thành tựu khoa học pháp lý để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**- Kỹ năng**

Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, nghiên cứu và thực hành nghề luật, đặc biệt ngành luật kinh tế với hiệu quả cao trong một tập thể đa ngành, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn với sự tham gia của các chuyên gia đến từ nhiều ngành khác nhau; giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành; có năng lực phán đoán, xử lý tình huống, phản biện các vấn đề xã hội; có khả năng tư vấn pháp luật kinh tế, tham gia các phiên tòa, giải quyết các vụ án kinh tế một cách hiệu quả; có khả năng khởi nghiệp nghề luật.

#### - Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có phẩm chất, thái độ của những công dân toàn cầu thể hiện qua tư duy và hành động có trách nhiệm xã hội, văn hóa cao, tinh thần cộng đồng gắn với năng lực cộng tác và hoạch định phát triển bản thân; có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt; có tinh thần thượng tôn pháp luật, vì công lý, dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải, lẽ công bằng.

### 3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

#### 3.1 Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
	<b>Kiến thức</b>
PLO1	Áp dụng kiến thức cơ bản của khoa học xã hội và nhân văn liên quan đến lĩnh vực pháp luật
PLO2	Áp dụng kiến thức của các ngành luật cơ bản làm căn cứ, cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành luật kinh tế để phục vụ công việc
PLO3	Áp dụng được kiến thức pháp luật chuyên ngành luật kinh tế vào hoạt động kinh doanh, thương mại
	<b>Kỹ năng</b>
PLO4	Vận dụng kiến thức lý thuyết, thực tiễn của ngành đào tạo để giải quyết các vấn đề pháp lý
PLO5	Thực hiện thành thạo kỹ năng tin học; Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương để vận dụng vào hoạt động tư vấn pháp lý về lĩnh vực kinh tế, thương mại
PLO6	Tuân thủ đạo đức nghề luật, ý thức kỷ luật trong việc đưa ra những nhận định, kết luận chuyên môn
	<b>Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm</b>
PLO7	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với kết quả làm việc của bản thân và nhóm với đơn vị liên quan
PLO8	Có trách nhiệm trong việc đảm bảo chất lượng công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm trong nghiên cứu và tổ chức công việc chuyên môn
PLO9	Khả năng học tập suốt đời; liên tục cải tiến, đổi mới sáng tạo; Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp; tự định hướng để phát triển sự nghiệp

#### 3.2 Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PIs	Chuẩn đầu ra	Trọng số
PLO1	PI1.1	Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị trong công việc	30%

PLOs	PIs	Chuẩn đầu ra	Trọng số
	PI1.2	Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng để đảm bảo công việc	30%
	PI1.3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ cần thiết để giải quyết vấn đề chuyên môn.	40%
PLO2	PI2.1	Phân tích được nội dung kiến thức pháp luật ngành luật cơ bản để phục vụ công việc chuyên môn nghề luật	20%
	PI2.2	Tổng hợp được nội dung kiến thức pháp luật ngành luật kinh tế phục vụ công việc chuyên môn nghề luật	30%
	PI2.3	Tổng hợp được kiến thức pháp luật tố tụng và kiến thức pháp luật ở các lĩnh vực dân sự, hình sự, hành chính, thương mại, cạnh tranh, phá sản phục vụ công việc chuyên môn nghề luật	50%
PLO3	PI3.1	Xác định chính xác chủ thể, nội dung, tính chất các quan hệ pháp luật và pháp luật áp dụng trong hoạt động kinh doanh, thương mại	20%
	PI3.2	Xác định được các quy phạm pháp luật áp dụng giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại	20%
	PI3.3	Áp dụng được kiến thức pháp luật chuyên ngành luật kinh tế vào công việc	40%
PLO4	PI4.1	Thành thạo kỹ năng soạn thảo văn bản hợp đồng, đơn, văn bản trong quá trình tố tụng	30%
	PI4.2	Tham gia làm người đại diện tham gia tố tụng, tư vấn, bảo vệ, thương lượng, trung gian hòa giải trong hoạt động kinh doanh, thương mại	70%
PLO5	PI5.1	Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ, tin học vào tư vấn pháp lý các lĩnh vực trong hoạt động kinh doanh, thương mại và các vấn đề pháp lý khác	30%
	PI5.2	Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ, tin học vào tư vấn pháp lý về chủ thể, tổ chức hoạt động kinh doanh, thương mại và vấn đề pháp lý khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại	30%
	PI5.3	Áp dụng các kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, tin học để giải quyết công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại và các vấn đề pháp lý khác	40%
PLO6	PI6.1	Tôn trọng, giữ bí mật thông tin, bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng	40%
	PI6.2	Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan, không vì lợi ích vật chất, tinh thần hoặc bất kỳ áp lực nào để làm trái quy định pháp luật và đạo đức nghề luật	60%
PLO7	PI7.1	Có khả năng tự nhận công việc và vận dụng kiến thức pháp luật để thực hiện hoạt động tư vấn, giải quyết vấn đề pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại và các vấn đề pháp lý khác	40%
	PI7.2	Tham gia hoạt động cùng nhóm giải quyết vấn đề pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại và các vấn đề pháp lý khác	40%
	PI7.3	Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức để đưa ra kết luận chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp	20%

PLOs	PIs	Chuẩn đầu ra	Trọng số
PLO8	PI8.1	Có trách nhiệm với bản thân, với nghề nghiệp, đảm bảo chất lượng công việc về chuyên môn và có ý thức phục vụ cộng đồng	30%
	PI8.2	Có năng lực phản biện độc lập, tư vấn, giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại và các vấn đề pháp lý khác	70%
PLO9	PI9.1	Nhận thức được sự cần thiết phải học tập suốt đời, yêu cầu cải tiến, đổi mới liên tục	30%
	PI9.2	Có khả năng tự học, lập kế hoạch trong công việc	30%
	PI9.3	Phân tích được xu thế của ngành để xác định được định hướng học tập và sự nghiệp	40%

#### 4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trang bị cho sinh viên tốt nghiệp năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc ở các vị trí việc làm như sau:

- Chuyên viên pháp chế trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức kinh tế, ở các phòng pháp chế, nhân sự, Ban thư ký lãnh đạo doanh nghiệp.

- Chuyên viên pháp lý, thư ký nghiệp vụ, trợ lý cho luật sư tại các Công ty Luật, Văn phòng Luật sư, Văn phòng Công chứng, Văn phòng Thừa phát lại, Trung tâm bán đấu giá tài sản, Trung tâm hòa giải, Trọng tài thương mại, Trợ giúp pháp lý, Chuyên viên tư vấn ở các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

- Thư ký, Thẩm tra viên trong Tòa án, Cơ quan Thi hành án dân sự; Chuyên viên, Kiểm tra viên trong Viện kiểm sát nhân dân, Công tác pháp luật trong cơ quan Công an nhân dân.

- Chuyên viên pháp chế tại các bộ phận: nhân sự, hành chính, tổng hợp, chính sách, tuyên truyền pháp luật, thư ký lãnh đạo ở các cơ quan: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở, phòng, ban các cấp.

- Chuyên viên pháp lý trong các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ.

- Công tác nghiên cứu, báo cáo viên pháp luật trong các cơ sở đào tạo, đơn vị sự nghiệp về lĩnh vực pháp luật, tư vấn hoạch định chính sách công.

#### 5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

- Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Luật Kinh tế có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm bằng tốt nghiệp đại học của các ngành gần tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao và chứng chỉ hành nghề để trở thành luật sư, công chứng viên, thừa phát lại, chấp hành viên, thẩm phán, kiểm sát viên... Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ hai của các chuyên ngành liên quan.

- Cơ hội nâng cao nghề nghiệp sau khi đáp ứng một số quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề hay bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:

+ Luật sư: Tham gia khóa đào tạo nghề luật sư, trải qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự để cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư.

+ Thẩm phán: Có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Thẩm phán Quốc gia.

+ Kiểm sát viên: Có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm sát, có năng lực thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm làm Kiểm sát viên.

+ Chấp hành viên: Có thời gian công tác thực tiễn, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự, đạt kết quả kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Chấp hành viên.

+ Công chứng viên, Thừa phát lại, Đấu giá viên: Tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn, đạt kết quả tập sự hành nghề để cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.

+ Công tác giảng dạy pháp luật: Sau khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn theo quy định.

## **6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo**

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

## **7. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế gồm: 42 học phần và 127 tín chỉ (không bao gồm 15 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)

**9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình** (Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

TT	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
			PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương</b>											
1	003923	Triết học Mác - Lênin	3								2
2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3								2
3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3								2
4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3								2
5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3								2
6	003137	Tiếng Anh 1	1				3		1		2
7	004549	Tiếng Anh 2	1				3		1		2
8	000801	Giáo dục thể chất 1	1								2
9	000808	Giáo dục thể chất 2	1								2
10	000813	Giáo dục thể chất 3	1								2
11	000816	Giáo dục thể chất 4	1								2
12	004342	Giáo dục quốc phòng 1	1								2
13	004343	Giáo dục quốc phòng 2	1								2
14	004344	Giáo dục quốc phòng 3	1								2
15	004345	Giáo dục quốc phòng 4	1								2
16	005319	Logic học đại cương	3						2		3
17	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	1								1
18	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	1				3		1		2
<b>II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>											
<b>1. Kiến thức cơ sở ngành</b>											
<b>1.1. Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</b>											
	<i>Bắt buộc</i>										
1	005330	Lý luận về nhà nước và pháp luật		3					2		3

TT	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
			PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	005323	Luật hiến pháp		3				2			3
3	005322	Luật hành chính		3				2			3
4	005336	Pháp luật về quyền con người		2				2			2
5	005320	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		3	2	2	2	3	3	3	3
6	005324	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		3	2	2	2	3	2	3	3
7	001838	Nguyên lý kế toán	3	1	2	3	2	3	2	3	1
8	002244	Quản trị học	2	1	2		3	3	1	2	2
9	005218	Kinh tế học quản lý	3			2	2	3	2	1	1
	<i>Tự chọn 1</i>										
1	001229	Kỹ năng mềm	2			2	2	2	3	1	3
2	005325	Luật lao động			2	3	3	3	2	2	3
3	005334	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1		2	2	1	3	3	2	9
4	002244	Quản trị học	2	1	2		3	3	1	2	2
	<b>1.2. Các học phần thực hành, thực tập</b>										
	<i>Bắt buộc</i>										
1	005315	Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật kinh tế		3		1		2	2	2	3
2	005317	Kiến tập kỹ năng cơ bản nghề luật	3	3		3	2	3	3	2	3
	<i>Tự chọn 2</i>										
1	005312	Công pháp quốc tế			2	3	1		3	1	2
2	005340	Tư duy pháp lý			2	3	1		3	1	2
	<b>2. Kiến thức ngành</b>										
	<b>2.1. Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</b>										
	<i>Bắt buộc</i>										
1	005328	Luật thương mại 1			3	3	3	3	3	3	3
2	005329	Luật thương mại 2			3	3	3	3	3	3	3

TT	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
			PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	005321	Luật đầu tư			3	3	3	3	3	3	3
4	005314	Hợp đồng thương mại quốc tế			3	3	3	3	3	3	3
5	005341	Tư pháp quốc tế		2	2	2	3	1	1	2	2
	<i>Tự chọn 3</i>										
1	005327	Luật thi hành án dân sự			2	3	3	3	3	3	3
2	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	1			2	3	2	1	2
3	002231	Quản trị doanh nghiệp		2		1	2	1	2	2	1
<b>2.2. Các học phần thực hành, thực tập</b>											
	<i>Bắt buộc</i>										
1	005337	Thực tập đàm phán, soạn thảo hợp đồng, soạn thảo văn bản	2	2	2	1	2	3	3	3	3
	<i>Tự chọn 4</i>										
1	005313	Đạo đức nghề luật và kỹ năng tư vấn pháp luật			1	3	3	3	3	3	3
2	004722	Khởi sự kinh doanh			2	2	2	2	3	2	3
<b>3. Kiến thức chuyên ngành</b>											
<b>3.1 Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</b>											
	<i>Bắt buộc</i>										
1	005326	Luật sở hữu trí tuệ			3	3	3	3	3	2	3
2	005332	Pháp luật đất đai và môi trường		2	3	3		2	3	3	3
3	002208	Quản lý tài chính			2	2	3	2	2	2	2
4	005335	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh			3	3	3	3	3	2	3
5	005331	Pháp luật cạnh tranh			3	3	2	3	2	2	3
6	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam			2	3	3	3	3	2	3
	<i>Tự chọn 5</i>										
1	005333	Pháp luật nhà ở, kinh doanh bất động sản			2	3	2	3	2	2	3

TT	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
			PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	005318	Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp			2	3	3	3	3	3	3
3	003780	Chính sách và quy định trong ngành năng lượng			1	3	2	3	2	2	2
<i>3.2. Các học phần thực hành, thực tập</i>											
	<i>Bắt buộc</i>										
1	005338	Thực tập kỹ năng tư vấn giải quyết tranh chấp		1	3	3	3	3	3	3	3
<i>4. Thực tập tốt nghiệp</i>											
1	005339	Thực tập tốt nghiệp	1	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>IV</b>	005316	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	2	2	3	3	3	3	3	3	3

## 10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

## 11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đào tạo đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình đào tạo bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình đào tạo cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình đào tạo bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, ... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình đào tạo cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

TT	Tên học phần	Số học phần	TC	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>21,3</b>
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>31</b>	<b>93</b>	<b>73,2</b>
<b>1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>13</b>	<b>39</b>	<b>30,7</b>
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	10	29	
1.1.1	Bắt buộc	9	27	
1.1.2	Tự chọn 1	1	2	
1.2	Các học phần thực hành, thực tập	3	10	
1.2.1	Bắt buộc	2	7	
1.2.2	Tự chọn 2	1	3	
<b>2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>9</b>	<b>26</b>	<b>20,5</b>
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	7	18	
2.1.1	Bắt buộc	5	14	
2.1.2	Tự chọn 3	2	4	
2.2	Các học phần thực hành, thực tập	2	8	
2.2.1	Bắt buộc	1	5	
2.2.2	Tự chọn 4	1	3	
<b>3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>8</b>	<b>24</b>	<b>18,9</b>
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	7	19	
3.1.1	Bắt buộc	6	17	
3.1.2	Tự chọn 5	1	2	
3.2	Các học phần thực hành, thực tập	1	5	
3.2.1	Bắt buộc	1	5	
3.2.2	Tự chọn 6	0	0	
<b>4</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>3,1</b>
<b>III</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>5,5</b>
	<b>Cộng</b>	<b>42</b>	<b>127</b>	<b>100</b>

### 12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Khối kiến thức	Điều kiện tiên quyết	Hình thức thi	Kiểm tra thường kỳ	Khoa quản lý
1	1	003923	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	GDDC	Không có	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
2	1	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	20	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
3	1	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	CC	003810	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
4	1	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	CC	003810	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
5	1	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	CC	003810	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
6	1	004342	Giáo dục quốc phòng 1	3	37	8	CC	Không có	Tự luận	2	TT GDTC-QPAN
7	1	004343	Giáo dục quốc phòng 2	2	22	8	CC	Không có	Tự luận	1	TT GDTC-QPAN
8	1	004344	Giáo dục quốc phòng 3	2	14	16	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
9	1	004345	Giáo dục quốc phòng 4	4	4	56	CC	Không có	Thực hành	2	TT GDTC-QPAN
10	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	GDDC	Không có	TN	2	CNTT
11	1	005330	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	45	0	CSN	Không có	Tự luận/Vấn đáp/Tiểu luận/TN	3	LLCT&PL
12	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	GDDC	003923	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
13	2	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	GDDC	Không có	Hỗn hợp	2	NN
14	2	005319	Logic học đại cương	3	45	0	GDDC	Không có	Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận/ Trắc nghiệm	2	LLCT&PL
15	2	005323	Luật hiến pháp	3	45	0	CSN	005330	Tự luận/TN/Vấn đáp/Tiểu luận	3	LLCT&PL
16	2	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	CSN	001223	TN	2	KT-TC
17	2	002244	Quản trị học	3	45	0	CSN	Không có	TN/ Tiểu luận	2	QTKD&DL

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Khối kiến thức	Điều kiện tiên quyết	Hình thức thi	Kiểm tra thường kỳ	Khoa quản lý
18	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	GDDC	003925	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
19	3	004549	Tiếng Anh 2	4	60	0	GDDC	003137	Hỗn hợp	2	NN
20	3	005322	Luật hành chính	2	30	0	CSN	005330	Tự luận/TN/Vấn đáp/Tiểu luận	2	LLCT&PL
21	3	005320	Luật dân sự và tố tụng dân sự	4	60	0	CSN	005330	Tự luận/ Vấn đáp/ Trắc nghiệm	3	LLCT&PL
22	3	005218	Kinh tế học quản lý	3	45	0	CSN	Không có	TN/Tự luận	2	QTKD&DL
23	3	005312	Công pháp quốc tế	3	30	30	CSN	Không có	Vấn đáp/ Báo cáo chuyên đề	3	LLCT&PL
24	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	GDDC	003925, 003926	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
25	4	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	GDDC	Không có	BCCD/ TN/ Vấn đáp	1	NLM
26	4	005324	Luật hình sự và tố tụng hình sự	4	60	0	CSN	005330	Tự luận/TN/Vấn đáp/Tiểu luận	3	LLCT&PL
27	4	005315	Hướng nghiệp nghề luật và phương pháp học luật kinh tế	3	30	30	CSN	005320, 005323	Báo cáo chuyên đề/ Vấn đáp	2	LLCT&PL
28	4	005317	Kiến tập kỹ năng cơ bản nghề luật	4	0	120	CSN	005320	Báo cáo chuyên đề/ Vấn đáp	1	LLCT&PL
29	4	005328	Luật thương mại 1	4	60	0	Ngành	005320	Tự luận/TN/Vấn đáp/Tiểu luận	3	LLCT&PL
30	5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	GDDC	003925, 003926, 003505	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
31	5	005336	Pháp luật về quyền con người	2	30	0	CSN	005323	Tự luận/Vấn đáp/Tiểu luận/TN	2	LLCT&PL
32	5	005325	Luật lao động	2	30	0	CSN	005320	Tự luận/ Vấn đáp/ Trắc nghiệm	2	LLCT&PL

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Khối kiến thức	Điều kiện tiên quyết	Hình thức thi	Kiểm tra thường kỳ	Khoa quản lý
33	5	005329	Luật thương mại 2	3	45	0	Ngành	005328	Tự luận/TN/Vấn đáp/Tiểu luận	2	LLCT&PL
34	5	005341	Tư pháp quốc tế	2	30	0	Ngành	005312	Tự luận/Vấn đáp/Tiểu luận/TN	2	LLCT&PL
35	5	002231	Quản trị doanh nghiệp	2	30	0	Ngành	Không có	TN	1	QTKD&DL
36	5	005313	Đạo đức nghề luật và kỹ năng tư vấn pháp luật	3	30	30	Ngành	005320, 005323	Báo cáo chuyên đề/Vấn đáp	3	LLCT&PL
37	6	005337	Thực tập Đàm phán, soạn thảo hợp đồng, soạn thảo văn bản	5	0	150	Ngành	005328, 005329, 005314	Báo cáo chuyên đề/Vấn đáp	1	LLCT&PL
38	6	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	CN	Không có	TN/ Tiểu luận	2	KT-TC
39	6	005335	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	3	45	0	CN	005328, 005329	Tự luận/Vấn đáp/Tiểu luận/TN	3	LLCT&PL
40	6	005318	Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp	2	30	0	CN	005328, 005320	Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
41	6	005338	Thực tập Kỹ năng tư vấn, giải quyết tranh chấp	5	0	150	CN	005320, 005337	Báo cáo chuyên đề/Vấn đáp	1	LLCT&PL
42	7	005321	Luật đầu tư	3	45	0	Ngành	005328	Tự luận/TN/Vấn đáp/Tiểu luận	3	LLCT&PL
43	7	005314	Hợp đồng thương mại quốc tế	2	30	0	Ngành	005328, 005329	Tự luận/TN/Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
44	7	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0	Ngành	002244	TN	1	QTKD&DL
45	7	005326	Luật sở hữu trí tuệ	3	45	0	CN	005328	Tự luận/TN/Vấn đáp/Tiểu luận	3	LLCT&PL
46	7	005332	Pháp luật đất đai và môi trường	3	45	0	CN	005322	Tự luận/Vấn đáp/Tiểu luận/TN	3	LLCT&PL
47	7	005331	Pháp luật cạnh tranh	2	30	0	CN	005328	Tự luận/Vấn đáp/Tiểu luận/TN	2	LLCT&PL

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Khối kiến thức	Điều kiện tiên quyết	Hình thức thi	Kiểm tra thường kỳ	Khoa quản lý
48	7	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45	0	CN	005218	TN	2	KT-TC
49	8	005339	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	CN	005320, 005337, 005338	Báo cáo chuyên đề/ Vấn đáp	1	LLCT&PL
50	8	005316	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	CN	005339	Báo cáo chuyên đề/ Vấn đáp	1	LLCT&PL
51	0	001229	Kỹ năng mềm	2	15	30	CSN	Không có	Vấn đáp	2	LLCT&PL
52	0	005334	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng	2	30	0	Ngành	005320, 005328	Tự luận/ TN/Vấn đáp/Tiểu luận	2	LLCT&PL
53	0	005340	Tư duy pháp lý	3	20	50	CSN	005330	Báo cáo chuyên đề/ Vấn đáp	3	LLCT&PL
54	0	005327	Luật thi hành án dân sự	2	30	0	Ngành	005320	Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận/TN	2	LLCT&PL
55	0	004722	Khởi sự kinh doanh	3	30	30	Ngành	Không có	Tiểu luận	2	QTKD&DL
56	0	005333	Pháp luật nhà ở, kinh doanh bất động sản	2	30	0	CN	005328, 005320	Tự luận/Vấn đáp/Tiểu luận/TN	2	LLCT&PL
57	0	003780	Chính sách và quy định trong ngành năng lượng CD5	2	30	0	CN	Không có	Vấn đáp/ Tự luận/ Tiểu luận	1	QLCN&NL